

2. Dự báo chất lượng nước ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 được thể hiện qua các **Bảng 1** đến **Bảng 4** như sau:

2.1. Độ mặn

Đối với chỉ tiêu Độ mặn, dự báo cho thấy sự biến động lớn giữa các điểm, với giá trị Min dao động từ 0,01‰ đến 21,04‰ và Max dao động từ 0,16‰ đến 22,42‰. Các khu vực ven biển hoặc chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều như CL2, CL5, CL6, CL14, CL15 được dự báo có độ mặn duy trì ở mức cao (> 4‰). Các vị trí như CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL12 được dự báo có độ mặn thấp (< 1‰). Cần theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn thực tế và có kế hoạch lấy nước phù hợp cho sản xuất, đặc biệt tại các khu vực dự báo độ mặn cao để tránh thiệt hại.

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)								Min	Max
	11/06	12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06			
CL1	6,36	6,35	6,27	6,15	6,13	6,30	6,56	6,13	6,56	
CL2	9,03	9,14	9,04	9,62	9,29	8,82	8,26	8,26	9,62	
CL3	7,67	7,49	7,62	7,82	6,78	6,93	7,05	6,78	7,82	
CL4	5,78	5,86	5,83	5,77	5,00	4,47	6,30	4,47	6,30	
CL5	11,60	10,56	9,02	11,14	11,05	11,17	11,44	9,02	11,60	
CL6	18,81	18,60	18,42	18,43	18,53	18,68	18,88	18,42	18,88	
CL7	0,08	0,18	0,14	0,05	0,16	0,14	0,10	0,05	0,18	
CL8	0,05	0,08	0,16	0,18	0,02	0,16	0,19	0,02	0,19	
CL9	0,06	0,09	0,04	0,17	0,11	0,01	0,06	0,01	0,17	
CL10	0,03	0,02	0,18	0,11	0,15	0,18	0,16	0,02	0,18	
CL11	0,01	0,05	0,10	0,17	0,20	0,18	0,18	0,01	0,20	
CL12	0,08	0,09	0,03	0,10	0,05	0,16	0,03	0,03	0,16	
CL13	4,72	4,88	4,08	4,18	4,23	3,82	3,07	3,07	4,88	
CL14	14,11	14,20	14,18	14,23	14,50	14,96	15,48	14,11	15,48	
CL15	22,42	21,65	21,28	21,12	21,04	21,51	21,88	21,04	22,42	
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰	> 4‰							

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 cho thấy nhiều vị trí có giá trị DO dự báo Min không đạt Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l) (11/15 vị trí giám sát). Chỉ có 4/15 vị trí (CL1, CL3, CL4, CL7, CL10), nồng độ DO dự báo có giá trị Min đạt ngưỡng Mức B, cụ thể là CL1 (Min 5,89 mgO₂/l), CL3 (Min 5,16 mgO₂/l), CL4 (Min 5,50 mgO₂/l), CL7 (Min 5,12 mgO₂/l), và CL10 (Min 5,13 mgO₂/l).

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO ₂ /l)								Min	Max
	11/06	12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06			
CL1	5,90	5,91	5,91	5,91	5,90	5,90	5,89	5,89	5,91	
CL2	4,68	4,60	5,18	5,24	5,26	5,25	5,21	4,60	5,26	
CL3	5,29	5,22	5,16	5,57	5,56	5,57	5,58	5,16	5,58	
CL4	5,56	5,55	5,55	5,55	5,54	5,52	5,50	5,50	5,56	
CL5	4,06	3,95	3,84	3,96	3,95	3,81	3,75	3,75	4,06	
CL6	4,35	4,21	4,23	4,22	4,08	3,91	3,78	3,78	4,35	
CL7	5,22	5,27	5,26	5,24	5,21	5,17	5,12	5,12	5,27	
CL8	4,25	4,02	4,09	4,14	4,08	4,04	4,02	4,02	4,25	
CL9	4,17	4,13	4,06	4,04	4,03	3,91	3,73	3,73	4,17	
CL10	5,46	5,27	5,15	5,13	5,18	5,22	5,25	5,13	5,46	
CL11	4,51	4,44	4,35	5,09	5,12	5,13	5,11	4,35	5,13	
CL12	4,48	4,45	4,43	4,39	4,23	3,99	3,95	3,95	4,48	
CL13	4,76	4,84	4,88	4,87	4,83	4,78	4,72	4,72	4,88	
CL14	4,23	4,45	4,68	4,88	5,01	5,08	5,16	4,23	5,16	
CL15	4,61	4,74	4,83	4,92	4,96	4,93	4,76	4,61	4,96	
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: $\geq 6,0$			Đạt Mức B: $\geq 5,0$			Không đạt Mức B: $< 5,0$			
Khuyến cáo	Từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025, kết quả dự báo DO cho thấy cần chú ý khi lấy nước phục vụ sản xuất tại các vị trí giám sát (10/15 vị trí) có giá trị DO Min dưới ngưỡng mức B để tránh ảnh hưởng đến vật nuôi và cây trồng nhạy cảm với nồng độ oxy thấp.									

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại hệ thống CTTL CLCB từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 tiếp tục cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ phổ biến trong hệ thống. So với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B (≤ 6 mg/l), BOD₅ dự báo Min vượt ngưỡng tại tất cả 15 điểm giám sát. Các giá trị dự báo dao động từ 9,62 mgO₂/l (Min tại vị trí CL14) đến 20,53 mgO₂/l (Max tại vị trí CL4).

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)								Min	Max
	11/06	12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06			
CL1	14,01	14,21	14,27	14,42	14,81	15,33	15,80	14,01	15,80	
CL2	11,60	11,66	11,63	11,58	11,53	11,51	11,50	11,50	11,66	
CL3	19,18	18,35	17,23	16,24	17,91	18,48	19,17	16,24	19,18	
CL4	20,53	19,88	19,06	18,14	17,10	16,07	15,27	15,27	20,53	
CL5	16,22	16,16	15,76	15,68	15,91	16,14	16,16	15,68	16,22	
CL6	14,70	14,86	15,17	15,55	15,85	16,01	16,04	14,70	16,04	
CL7	17,02	16,25	15,86	15,71	15,42	14,83	14,14	14,14	17,02	
CL8	14,23	14,51	14,98	15,24	15,52	16,14	16,93	14,23	16,93	
CL9	14,33	13,65	13,28	13,15	13,17	13,32	13,55	13,15	14,33	
CL10	16,39	16,04	15,83	15,68	15,58	15,60	15,76	15,58	16,39	
CL11	18,64	18,64	18,71	18,88	19,05	18,92	17,94	17,94	19,05	
CL12	10,92	10,78	10,73	10,65	10,58	10,56	10,57	10,56	10,92	
CL13	10,43	10,45	10,54	10,75	11,06	11,40	11,65	10,43	11,65	
CL14	9,62	9,68	9,95	10,10	9,95	9,85	9,87	9,62	10,10	
CL15	14,90	14,88	14,90	14,99	15,24	15,63	15,95	14,88	15,95	
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6			
Khuyến cáo	Hàm lượng Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD ₅) dự báo từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 cho thấy giá trị BOD ₅ dự báo Min vượt ngưỡng tại tất cả 15 điểm giám sát. Người dân và các đơn vị quản lý cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống.									

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

Đối với Ni tơ Tổng (T-N), kết quả dự báo từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 cũng cho thấy tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng tiếp diễn trong hệ thống. So sánh với quy chuẩn QCVN 08:2023 Mức B ($\leq 1,5$ mg/l), T-N dự báo vượt ngưỡng Mức B tại hầu hết các vị trí (13/15 vị trí giám sát). Cụ thể, các điểm CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, CL8, CL9, CL10, CL11, CL14, CL15 đều có giá trị T-N dự báo Min vượt quá ngưỡng Mức B. Chỉ có CL12 (Min 1,05 mg/l, Max 1,63 mg/l) và CL13 (Min 1,24 mg/l, Max 1,66 mg/l) được dự báo có nồng độ T-N trong ngưỡng Mức B trong một số ngày của thời đoạn dự báo.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)								
	11/06	12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	Min	Max
CL1	2,09	1,98	1,89	1,82	1,77	1,73	1,70	1,70	2,09
CL2	1,85	1,73	1,66	1,62	1,63	1,70	1,86	1,62	1,86
CL3	4,32	4,26	4,28	4,40	4,60	4,77	4,74	4,26	4,77
CL4	4,77	4,60	4,46	4,40	4,47	4,54	4,78	4,40	4,78
CL5	3,84	3,41	3,18	3,34	3,45	3,48	3,40	3,18	3,84
CL6	3,20	3,17	3,18	3,21	3,29	3,38	3,52	3,17	3,52
CL7	4,82	4,73	4,62	4,54	4,48	4,45	4,78	4,45	4,82
CL8	2,32	2,33	2,39	2,49	2,62	2,74	2,82	2,32	2,82
CL9	3,13	3,15	3,30	3,62	4,00	4,16	4,14	3,13	4,16
CL10	4,37	4,24	4,41	4,80	5,07	5,33	5,57	4,24	5,57
CL11	6,07	6,00	5,98	4,58	4,51	4,97	5,67	4,51	6,07
CL12	1,60	1,63	1,52	1,35	1,22	1,11	1,05	1,05	1,63
CL13	1,66	1,53	1,31	1,26	1,25	1,24	1,25	1,24	1,66
CL14	1,92	1,77	1,69	1,63	1,59	1,58	1,69	1,58	1,92
CL15	2,89	2,86	2,85	2,83	2,80	2,77	2,72	2,72	2,89
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: $\leq 0,6$			Đạt Mức B: $\leq 1,5$			Không đạt Mức B: $> 1,5$		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo nồng độ Tổng Nitơ (T-N) từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng tiếp diễn trong hệ thống. Cần tăng cường giám sát các nguồn thải gây ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng vào hệ thống.								

Khuyến nghị chung:

- Kết quả dự báo các chỉ tiêu chất lượng nước từ ngày 11/06/2025 đến 17/06/2025 cho thấy: tình trạng các chỉ tiêu ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ được dự báo tiếp tục vượt quá giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT (Mức B), đặc biệt là BOD₅ (vượt ngưỡng tại tất cả các điểm) và T-N vượt ngưỡng tại hầu hết các điểm (13/15 vị trí giám sát), do đó cần lưu ý các biện pháp đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy hòa tan trong nguồn nước để không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng các loài vật nuôi.
- Đây là bản tin dự báo chất lượng nước cuối cùng được thực hiện trong năm 2025 cho HTTL Cái Lớn – Cái Bé, do đó với tình trạng ô nhiễm dinh dưỡng được dự báo sẽ tiếp diễn nên người dân cần đặc biệt lưu ý và thực hiện các biện pháp xử lý nước phù hợp trước khi sử dụng nguồn nước từ hệ thống cho mục đích sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó, người dân và các đơn vị quản lý cần chú ý tăng cường các biện pháp giám sát các nguồn thải gây ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng xả thải vào hệ thống trong thời gian tới.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng